

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **120/2020/DS-PT**
Ngày: 27-8-2020
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Phụng

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Hải, ông Đào Chí Keo

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Dương Quy Thái
- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 280/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 95/2020/QĐPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lại Thị N, sinh năm 1960, cư trú: Tổ 30, ấp K1, xã K, huyện C, tỉnh An Giang. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bạch T, sinh năm 1961, cư trú: ấp K1, xã K, huyện C, tỉnh An Giang. (Có mặt)

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Bạch T – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm

Nguyên đơn bà Lại Thị N do ông Nguyễn Văn P đại diện trình bày:
Bà N có tham gia nhiều dây hụi do bà Nguyễn Thị Bạch T làm chủ hụi tại ấp K 1, xã K, huyện C, tỉnh An Giang cụ thể như sau:

+ Dây thứ nhất: Hụi 5.000.000đ/ tháng, khai ngày 26/7â/2013 bà N có tham gia 01 phần và châu được 16 lần, đến kỳ thứ 17 vào tháng 9â/2014 thì bà T tuyên bố ngưng hụi, bà T có xác nhận nợ cho bà số tiền 80.000.000đ.

+ Dây thứ 2: Hụi 3.000.000đ/ tháng khai ngày 15/08 â/2014, bà tham gia 01 phần và châu được 03 kỳ thì bà T tuyên bố ngưng hụi, bà T có xác nhận nợ bà số tiền 9.000.000đ.

Tổng cộng 02 dây hụi, bà T nợ bà Nga 89.000.000đ.

Ngoài ra, ngày 15/02â/2010, bà T có hỏi vay bà N số tiền 170.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 1,5%/ tháng, sau khi vay thì bà T đóng lãi được 40 tháng và ngưng đóng lãi cho đến nay. Do quen biết nên khi cho vay giữa bà và bà T không có làm biên nhận về việc cho vay tiền, sau này bà T có viết giấy xác nhận nợ bà N số tiền vay này. Từ ngày 07/5 â/2015 đến ngày 30/12 â/2018 bà T trả cho bà N được 152.000.000đ (tiền hụi trả được 89.000.000đ, tiền vay 63.000.000đ) thì ngưng trả. Bà N đã nhiều lần đòi lại số tiền vay còn thiếu, nhưng bà T cứ hẹn đến nay chưa trả. Hiện bà T còn nợ bà N 107.000.000đồng. Nay ông yêu cầu bà T trả cho bà Nga số tiền vay còn thiếu 107.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Tiền hụi, bà T đã trả xong, nên không yêu cầu.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch T trình bày: Bà và bà N là người cùng địa phương, trước năm 2010 bà có làm chủ hụi tại địa phương, sau năm 2010 bà không làm chủ hụi nữa, nên việc chơi hụi của bà Nga do bà làm chủ là không có. Ngoài ra, bà cũng không có vay 170.000.000 đồng, việc bà N yêu cầu trả bà số tiền 107.000.000đồng bà không đồng ý vì bà không có thiếu.

Tại Bản án sơ thẩm số 280/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị Bạch T có nghĩa vụ trả cho bà Lại Thị N số tiền 107.000.000đồng (một trăm lẻ bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/12/2019 bà Nguyễn Thị Bạch T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét: Bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà N bởi vì bà không có nợ tiền bà Nga.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung tranh chấp.

- Bà Nguyễn Thị Bạch T trình bày: Bà không thừa nhận có nợ bà Lại Thị N, nếu bà có vay nợ hay có nợ tiền hụi của bà Nga thì phải có biên nhận nợ ghi cụ thể họ tên và số tiền nợ rõ ràng, bà N tự nhặt được những tờ giấy do bà ghi nội dung theo dõi sinh hoạt trong gia đình của bà để khởi kiện bà đòi số tiền trên là không đúng, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Ngoài ra, bà Tuyết cung cấp đơn xin xác nhận đề ngày 25 tháng 8 năm 2020 do Ủy ban nhân xã K, huyện C xác nhận **Dương Thị Mai C**; sinh năm 1980, ngụ ấp K2, xã K, huyện C, tỉnh An Giang và **H** được ghi trong tờ giấy ghi trả nợ mà bà Nga khởi kiện bà là một người và người này là con riêng của chồng bà chứ không phải **H** con của bà N để chứng minh tờ giấy mà bà N khởi kiện bà là giấy bà ghi theo dõi tiền nợ với con riêng của chồng bà.

- Bà Lại Thị N trình bày: Thực tế bà T có nợ tiền hụi và tiền vay của bà, sau đó bà T có trả dần số tiền nợ và bà T tự ghi trong tờ giấy mà bà làm chứng cứ để khởi kiện, tại Tòa án huyện C bà T không thừa nhận là chữ viết của bà T nên bà có yêu cầu giám định và kết quả đúng là chữ của bà T và phiên tòa trước bà T có nói không biết **H** trong tờ giấy ghi nợ là ai. Yêu cầu xem xét như nội dung án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bạch T là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

+ Về nội dung giải quyết vụ án:

Tờ xác nhận (BL 02), có chữ viết tên “7 T” nội dung thể hiện tiền hụi, tiền và tại bản Kết luận giám định số 92, ngày 16/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang, kết luận chữ viết trên 02 tài liệu cần giám định so với chữ viết của Nguyễn Thị Bạch T trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người viết ra nên nội dung này phù hợp với khởi kiện của nguyên đơn cho rằng bà T nợ tiền hụi 89.000.000 đồng, nợ tiền vay 170.000.000 đồng và phía bà T đã trả được 152.000.000, gồm trả tiền hụi 89.000.000 đồng; trả tiền vay 63.000.000 đồng, còn nợ lại tiền vay là 107.000.000 đồng. Từ đó, có căn cứ xác định, giữa các bên có sự thỏa thuận vay tiền với nhau trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, giao kết hợp đồng, không trái pháp luật theo Điều 463 BLDS 2015 và khi bà T không còn khả năng thanh toán tiền nợ vay nên bà mới viết tên “7 T” để xác nhận nợ với bà N, không ai ép buộc. Phía nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ là giao tiền cho bị đơn theo quy định Điều 465 BLDS năm 2015, còn phía bị đơn đến nay cũng chưa thanh toán số tiền còn nợ cho phía nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 466 BLDS năm 2015 và xâm phạm đến

quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện là có cơ sở và cấp sơ thẩm tuyên xử buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà Nga số tiền vay còn nợ 107.000.000 đồng là có căn cứ; còn phía bà T không thừa nhận nợ nhưng không đưa ra được chứng cứ, chứng minh thì bà phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định Điều 91 BLTTDS. Tuy nhiên, bà N thừa nhận đã nhận tiền lãi của bà T là 40 tháng, với lãi suất 1,5%/tháng là quá cao so với mức lãi suất quy định tại thời điểm nhận tiền lãi, lẽ ra, cần điều chỉnh số tiền lãi đã nhận để khấu trừ vào tiền vốn nhưng quá trình cấp sơ thẩm giải quyết phía bà T không yêu cầu nên cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp và quá trình cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết và cho đến tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà T kháng cáo nhưng không cung cấp, bổ sung được tài liệu chứng cứ, chứng minh cho việc kháng cáo nên không có cơ sở để xem xét chấp nhận;

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 280/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C; bà T phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Bạch T kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà T, thấy: Bà N khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền còn nợ lại cho bà là 107.000.000 đồng căn cứ vào hai tờ giấy xác nhận nợ, bà N cho rằng đây là giấy xác nhận nợ do bà T ghi, nhưng nội dung này lại không được bà T thừa nhận. Bà T cho rằng bà không nợ tiền đối với bà N và không thừa nhận hai giấy xác nhận nợ này. Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án sơ thẩm tiến hành giám định hai tờ giấy xác nhận nợ mà bà N làm căn cứ khởi kiện, kết luận giám định chữ viết trên giấy xác nhận nợ và chữ viết của bà T là do cùng một người viết ra.

Tại đơn kháng cáo của bà Tuyết (BL số 60) bà T yêu cầu xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm số: 280/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

Về nội dung giấy nhận nợ bà N làm căn cứ khởi kiện bà Tuyết có thể hiện “*H = 51*” được bà N cho là số tiền này do con bà N tên thường gọi là H nợ của bà T 51.000.000 đồng nên khi viết giấy nợ bà T yêu cầu bà N trừ khoản tiền này, bà N đồng ý; Tuy cấp sơ thẩm chưa làm rõ nội dung này nhưng tại biên bản xác minh ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bà Trần Thị Hồng L

(tên thường gọi là H, con của bà N) trình bày “*Tại tờ giấy (bút lục 03) thể hiện trừ H 51 triệu là do tôi nợ tiền của bà Tt và bà T có nợ tiền của mẹ tôi là bà N nên bà T đã tự ý trừ số tiền trên với bà N. Việc trừ này tôi không ý kiến*”. Tại phiên tòa bà H cũng có mặt và xác định bà có nợ của bà T, khi mẹ bà là bà N và bà T tính toán tiền nợ với nhau bà T có trừ khoản tiền của bà còn nợ của bà T, bà cũng đồng ý việc trừ này; nếu sau này có tranh chấp về số tiền 51.000.000 đồng này thì yêu cầu xem xét trong vụ kiện khác.

Bà T cung cấp cung cấp đơn xin xác nhận đề ngày 25 tháng 8 năm 2020 do Ủy ban nhân xã K, huyện C xác nhận Dương Thị Mai C và H được ghi trong tờ giấy ghi trả nợ mà bà N khởi kiện bà là một người và người này là con riêng của chồng T để chứng minh tờ giấy mà bà N khởi kiện là giấy bà Tuyết ghi theo dõi nợ với con riêng của chồng bà nhưng cũng không trình bày được cụ thể nội dung theo dõi nợ gì cụ thể bao nhiêu giữa bà T và con riêng của bà có tên là H. Mặt khác, tại phiên tòa ngày 15/6/2020 bà T khẳng định không biết tên H được ghi trong tờ giấy mà bà N khởi kiện bà là ai? với chứng cứ mà bà T cung cấp nêu trên hoàn toàn mâu thuẫn với lời khai của chính bà T;

Vì vậy, có căn cứ để xác định bà T có viết giấy nhận nợ xác định việc còn nợ tiền bà N. Bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà N khởi kiện yêu cầu bà T phải trả 107.000.000 đồng là phù hợp với Điều 463, 466 Bộ luật dân sự. Do đó, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị N. Buộc bà Nguyễn Thị Bạch T có nghĩa vụ trả cho bà Lại Thị N số tiền 107.000.000 đồng là có căn cứ. Bà T kháng cáo ngoài lời trình bày bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình để phản bác lại hai giấy nhận nợ được giám định là chữ ký và chữ viết của bà để HĐXX phúc thẩm xem xét. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bạch T.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 280/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bạch T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên

lai thu số 0007590 ngày 03/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang (đã nộp xong).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1)
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- TAND H. C (1)
- THA H. C (1)
- Tòa GD & NCTN (2)
- Văn phòng Tòa án tỉnh AG (1)
- Phòng KTNV & THA tỉnh AG (1)
- Dương sự “Đề thi hành” ;
- Lưu: Hồ sơ.

Lâm Ngọc Phụng

